

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 12-6-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Bảo và bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: bà Thái Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và thông báo hoãn phiên tòa số 02/TB-TA ngày 21/5/2024 bằng hình thức trực tuyến với hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số F N, thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Quảng Trị, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thọ D, sinh năm 2003, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thọ Thiên V, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1976; đều trú tại: X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2023 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1998, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: phụ bếp; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; con bà Cái Thị N1, sinh năm 1973; trú tại: thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 169/2019/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong bản án vào ngày 29/5/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2023 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Trần Tấn L, sinh ngày 30/10/2005, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: cắt tóc; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm 1973; đều trú tại: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2023 đến ngày 25/12/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Lê Văn B, sinh ngày 07/6/2007; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Lê Văn B: bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (mẹ của Lê Văn B) - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2023, Nguyễn Thọ D sử dụng tài khoản Messesger “*Cá Chép Đ2*” nhắn tin đến tài khoản M “*Lê Trần Tấn L*” rủ L mua ma túy sử dụng thì L đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 74-AA 008.63 chở D đến nhà Nguyễn Tiến Đ ở thôn T, xã H, huyện H. Tại đây, D và L rủ Đ mua ma túy về sử dụng thì Đ đồng ý, D đưa cho L 400.000 đồng, L đưa cho Đ 400.000 đồng của D và sử dụng điện thoại di động Iphone 7 plus, thông qua ứng dụng Banking chuyển khoản số tiền 400.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V1 số 1028517729 của L đến tài khoản ngân hàng T1 số 19071665840013 mang tên Nguyễn Văn N cho Đ. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại di động Iphone 7 gọi đến số thuê bao 0914416345 của người đàn ông tên S (Đ có số điện thoại của người tên S là do trước đây trong một cuộc nhậu có người cho Đ, ngoài ra Đ không biết tên tuổi, địa chỉ người tên S này) hỏi mua 700.000 đồng ma túy tổng hợp thì được người này đồng ý và hẹn giao ma túy tại khu vực cổng làng P, thuộc thôn T, xã H. Một lúc sau, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 74-AA 008.63 chở Đ, D chạy đến gần khu vực cổng làng P thì L và D đứng đợi, còn Đ một mình đi bộ đến cổng làng P thì có chiếc xe ô tô màu trắng (không rõ đặc điểm biển số xe) chạy tới, người đàn ông ở trong xe hạ kính ở phía trước xe xuống khoảng 20cm, tay cầm gói thuốc lá hiệu ESSE đưa cho Đ rồi nhận của Đ 700.000 đồng. Sau khi lấy ma túy thì Đ đi đến chỗ D, đưa D gói thuốc chứa ma túy và 100.000 đồng mua nước ngọt, thuốc lá, kẹo phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở D, Đ đến nhà D ở thôn X, xã T, huyện T, trên đường đi cả ba ghé quán tạp hóa gần đường mua 100.000 đồng nước ngọt, thuốc lá, kẹo. Khi đến nhà D thì cả ba vào Phòng ngủ của D, Đ lấy chai nhựa, bật lửa và tờ giấy có sẵn trong phòng làm dụng cụ sử dụng ma túy. Tiếp đến, Đ mở gói thuốc lá hiệu ESSE bên trong có gói ni lông, rồi dùng kéo (do Đ chuẩn bị từ trước) cắt gói ni lông đồ 10 viên ma túy tổng hợp trên tờ giấy. Đ dùng bật lửa đốt các viên ma túy để Đ, D, L lần lượt hút ma túy qua miệng chai nhựa. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, trong lúc D, L, Đ đang sử dụng ma túy bị thì lực lượng Công an huyện T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ 01 viên ma túy tổng hợp cùng một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Qua quá trình TEST nhanh chất ma túy bằng nước tiểu, kết quả D, L, Đ đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Tại Bản kết luận định giám định số 828/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K, Công an tỉnh Q kết luận: 01 viên nén màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1 gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 0,0950g.

Cáo trạng số 18/CT-VKSTP ngày 15/4/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ và Lê Trần Tấn L về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; trong đó Nguyễn Thọ D và Nguyễn Tiến Đ theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Lê Trần Tấn L theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thọ D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; thời hạn tù của cả hai bị cáo D và Đ được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/8/2023; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2; khoản 3 và khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Trần Tấn L từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 21/8/2023 đến ngày 25/12/2023.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Nguyễn Thọ D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7 Plus của bị cáo Lê Trần Tấn L.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong mã số NS3A 103641 bên trong gồm có bao gói sau giám định (Theo Bản kết luận giám định số 828/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q); 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chai nhựa trong suốt; 01 bật lửa, trên thân máy có chữ “Hoa Việt; 01 cái kéo; 01 vỏ hộp thuốc lá nhãn hiệu ESSE màu xanh; 01 thẻ sim số 0386259412 của bị cáo Nguyễn Thọ D; 01 thẻ sim số 0343802443 của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và 01 thẻ sim số 0338952651 của bị cáo Lê Trần Tấn L.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn B thừa nhận có cho Lê Trần Tấn L mượn xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 74-AA 008.63 để đi chơi, sau đó L dùng xe để đi mua ma túy thì Lê Văn B hoàn toàn không biết và xe đã nhận lại xe nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 23 giờ 50 phút ngày 20/8/2023, Tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã T tiến hành tuần tra, kiểm soát địa bàn thì phát hiện Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ, Lê Trần Tấn L có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine tại nhà của Nguyễn Thọ D ở thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, Công an huyện T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 viên ma túy. Theo Kết luận giám định số 828/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận 01 viên nén màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT1 gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng mẫu là 0,0950g. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, số thứ tự 247 theo quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy và đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” được quy định xử phạt theo Điều 255 Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ bị truy tố và xét xử với 02 tình tiết định khung tăng nặng theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đó là “*Phạm tội đối với 02 người trở lên và phạm tội đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*”. Riêng bị cáo Lê Trần Tấn L bị truy tố và xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật Hình sự đó là “*Phạm tội đối với 02 người trở lên*”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ, Lê Trần Tấn L đều biết rõ tác hại của ma túy và việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật về hình sự nhưng vẫn thực hiện. Hành vi, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Nguyễn Thọ D là người khởi xướng rủ Lê Trần Tấn L và Nguyễn Tiến Đ mua ma túy sử dụng. D đã góp tiền, cung cấp địa điểm phòng ngủ của mình sử dụng ma túy. Bị cáo Nguyễn Tiến Đ khi được D rủ thì đồng ý và là người trực tiếp đi lấy ma túy và chuẩn bị các công cụ để sử dụng ma túy; bị cáo Đ có nhân thân xấu, ngày 19/9/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 13 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 169/2019/HS-ST. Vì vậy, khi xem xét quyết định hình phạt thì cần xử bị cáo Đ mức án cao hơn các bị cáo khác. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thọ D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 đó là “*người phạm tội có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*”, có kết luận của cơ quan giám định.

Đối với Lê Trần Tấn L, Hội đồng xét xử thấy: tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng do bị cáo Nguyễn Thọ D và Nguyễn

Tiến Đ rủ rê lôi kéo. Vì vậy, khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 91; điểm c khoản 2; khoản 3 và khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta khi xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và quá trình nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đối với loại tội đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn huyện. Bị cáo Nguyễn Thọ D có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt liền kề là phù hợp.

Quyết định tạm giam số 08/2024/HSST-QĐTG ngày 15/4/2024 và quyết định tạm giam số 09/2024/HSST-QĐTG ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đối với hai bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ tính đến ngày án có hiệu lực pháp luật không đủ 45 ngày nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với cả hai bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo công tác thi hành án phạt tù.

Bị cáo Lê Trần Tấn L đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11A/2024/LCĐKNCT-TA ngày 16/4/2024, của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, nhưng bị phạt tù và tính đến ngày án có hiệu lực pháp luật không đủ 45 ngày nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo L với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo công tác thi hành án phạt tù.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn B. Quá trình điều tra đã xác định xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, số loại 50s, màu sơn đen, biển kiểm soát: 74AA-008.63, số máy: 139FMB102271, số khung: B2PEGA 102271 là tài sản của Lê Văn B cho Lê Trần Tấn L mượn, nhưng B không biết L sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy và đến địa điểm sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho Lê Văn B. Tại phiên tòa hôm nay Lê Văn B và đại diện hợp pháp của Lê Văn B không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông tên S, sử dụng thuê bao số 0914.416.345 bán ma túy cho Nguyễn Tiến Đ: quá trình điều tra xác định số điện thoại 0914.416.345 của Trần Trọng S1, sinh năm 1985, trú tại khu phố C, Phường A, thị xã Q, làm nghề lái xe dịch vụ. Trong quá trình làm việc, ông S1 khai sử dụng số điện thoại 0914.416.345 từ nhiều năm nay, đã được Sắt đăng ký chính chủ và chỉ có một mình ông S1 sử dụng. Ngày 20/8/2023, số thuê bao 0343.802.443 của Đ gọi đến số điện thoại 0914.416.345 của S1 để thuê chạy xe dịch vụ, không phải gọi điện để mua ma túy. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh và tiến hành đối chất giữa ông S1 và Nguyễn Tiến Đ nhưng không có kết quả nên không có căn cứ xử lý đối với ông S1.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ các vật chứng chuyển giao theo hồ sơ vụ án cụ thể như sau: 01 túi niêm phong mã số NS3A 103641 bên trong gồm có bao gói sau giám định (Theo bản kết luận giám định số 828/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q); 01 mảnh nilon màu xanh, 01 chai nhựa trong suốt, 01 bật lửa, trên thân máy có chữ "Hoa Việt; 01 cái kéo, dài 15 cm, cán kéo màu vàng; 01 vỏ hộp thuốc lá nhãn hiệu ESSE màu xanh; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số máy: NNAC2LL/A,

số rê-ri FX5YPOBTHG6W; số IMEI 359467089447518 và 35946708944751 gắn thẻ sim số 0386259412 của bị cáo Nguyễn Thọ D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số máy: MN8G2LL/A, số rê-ri F71D4RYYHG6W; số IMEI 354910097572657 và 35491009757265; điện thoại gắn thẻ sim số 0343802443 của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, số máy: MNQM2VN/A, số rê-ri FCCY9413HG04; số IMEI 356569085546947; điện thoại gắn thẻ sim số 0338952651 của bị cáo Lê Trần Tấn L. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 01 túi niêm phong mã số NS3A 103641 bên trong có bao gói sau giám định; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chai nhựa trong suốt; 01 bật lửa, trên thân máy có chữ “Hoa Việt; 01 cái kéo dài 15 cm, cán kéo màu vàng; 01 vỏ hộp thuốc lá nhãn hiệu ESSE màu xanh; 01 thẻ sim số 0386259412 của bị cáo Nguyễn Thọ D; 01 thẻ sim số 0343802443 của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và 01 thẻ sim số 0338952651 của bị cáo Lê Trần Tấn L, đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, vật không có giá trị và vật cấm tàng trữ nên cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Nguyễn Thọ D; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7, màu đen của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen của bị cáo Lê Trần Tấn L do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ, Lê Trần Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ, Lê Trần Tấn L, phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, q khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thọ D 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (21/8/2023).

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (21/8/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 2; khoản 3 và khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Trần Tấn L 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam 21/8/2023 đến ngày 25/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi niêm phong mã số NS3A 103641 bên trong gồm có bao gói sau giám định (Theo Bản kết luận giám định số 828/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q); 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chai nhựa trong suốt; 01 bật lửa, trên thân máy có chữ “Hoa Việt”; 01 cái kéo dài 15 cm, cán kéo màu vàng dài 8cm, lưỡi kéo bằng kim loại dài 7cm; 01 vỏ hộp thuốc lá nhãn hiệu ESSE màu xanh; 01 thẻ sim số 0386259412; 01 thẻ sim số 0343802443 và 01 thẻ sim số 0338952651.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 7, màu đen, số máy: NNAC2LL/A, số rê-ri FX5YPOBTHG6W; số IMEI 359467089447518 và 35946708944751; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 7, màu đen, số máy: MN8G2LL/A, số rê-ri F71D4RYYHG6W; số IMEI 354910097572657 và 35491009757265 và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu iphone 7 Plus, màu đen, số máy: MNQM2VN/A, số rê-ri FCCY9413HG04; số IMEI 356569085546947.

Các loại vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của các loại vật chứng này được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thọ D, Nguyễn Tiến Đ, Lê Trần Tấn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Công an huyện Triệu Phong
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hải

